TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST Ngày: 31-8-2022 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Bé Sáu;

2. Bà Nguyễn Thị Oanh Kiều;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Huyền T, sinh ngày 24/3/2004.

Địa chỉ cư trú: ấp BTB, xã BT, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh S, sinh ngày 04/01/1999.

Địa chỉ cư trú: ấp BL, xã BT, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị Huyền T trình bày: Vào tháng 01 năm 2021 chị và anh Nguyễn Thanh S tự tìm hiểu và sống chung với nhau, không đăng ký kết hôn. Việc anh, chị sống chung là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, yêu thương nhau. Đến đầu năm 2022 thì chị và anh S phát sinh Nhều mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Nay mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh S. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc Nh, sinh ngày 10/9/2021. Trước đây, con chung

sống với anh S nên chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết thì chị và anh S đã thỏa thuận xong phần con chung và cấp dưỡng, con chung đang sống với chị nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị và anh S đã thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Thanh S trình bày:* Vào tháng 01 năm 2021 anh và Lê Thị Huyền T tự tìm hiểu và chung sống, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, yêu thương nhau đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và T tự ý bỏ nhà đi. Nay vợ anh là Lê Thị Huyền T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc Nh, sinh ngày 10/9/2021. Khi T bỏ đi thì con sống với anh, khi T kiện ly hôn thì anh và T đã thỏa thuận xong về con chung và cấp dưỡng, hiện nay con đang sống với T, anh tự nguyện thống nhất để T tiếp tục nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con vì anh đối với tài sản chung thì phần anh được hưởng anh thống nhất để T hưởng nuôi con. Về tài sản chung: Vợ chồng đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Qua thu thập tài liệu chứng cứ từ Ủy ban nhân dân xã BT xác nhận chị T và anh S chung sống với nhau vào tháng 01 năm 2021, xét thấy chị T và anh S tự nguyện chung sống như vợ chồng khi chị T đã hơn 16 tuổi chưa đủ 18 tuổi, chị T có đơn không yêu cầu xử lý hình sự đối với anh S nên Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là phù hợp. Do đó, về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Huyền T và anh Nguyễn Thanh S. Về con chung: Chị Lê Thị Huyền T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Ngọc Nh, sinh ngày 10/9/2021, hiện cháu đang sống với chị T, anh S không cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện Ly hôn nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của chị Lê Thị Huyền T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh S, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của chị T và anh S tại phiên tòa và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã BT thì chị T và anh S chung sống với nhau từ

tháng 01 năm 2021 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh, chị là không hợp pháp.

Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định như sau:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiên theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn".

Xét thấy, thời điểm chị T và anh S chung sống như vợ chồng khi chị T đã hơn 16 tuổi chưa đủ 18 tuổi, việc chung sống là do anh chị tự nguyện, không ai ép buộc, chị T có đơn không yêu cầu xử lý hình sự đối với anh S. Hiện chị T đã trên 18 tuổi và có đơn kiện yêu cầu ly hôn với anh S nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề về hình sự đối với anh S. Tại phiên tòa chị T và anh S đều thống nhất ly hôn nhưng do anh, chị không đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh S là phù hợp.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc Nh, sinh ngày 10/9/2021. Trước đây, chị T yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh S cấp dưỡng dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nhưng trong quá trình giải quyết vụ án thì chị T và anh S đã tự nguyện thỏa thuận xong về con chung và cấp dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị Lê Thị Huyền T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Ngọc Nh, sinh ngày 10/9/2021, hiện cháu đang sống với chị T, anh S không cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện không yêu cầu. Chị Lê Thị Huyền T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Thanh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Chị T và anh S đã tự thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị T và anh S đều trình bày không có và cam kết không có ý định né tránh nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Buộc chị Lê Thị Huyền T chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Huyền T và anh Nguyễn Thanh S.

2/ Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị T và anh S: Chị Lê Thị Huyền T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Ngọc Nh, sinh ngày 10/9/2021 (hiện cháu Nh đang sống với chị T), anh S không cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện không yêu cầu.

3/ Về tài sản chung: Các đương sự đã tự thỏa thuận xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung: Các đương sự đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Huyền T chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0006566 ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, chị T không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND Tp. H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Mỹ Dung